



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

Ngày 31/03/2025	7,880 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.4%	1.4%	-1.5%

DT thuần Q1/25
581
tỷ VNĐ
QoQ: ▼74.0 -11.3%
YoY: ▼124 -17.6%

LN thuần Q1/25
6.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.12 -57.0%
YoY: ▼8.62 -55.6%

LN sau thuế Q1/25
13.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.00 -6.7%
YoY: ▼0.70 -4.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
3.5%
YoY: +/-▼ 0.3%

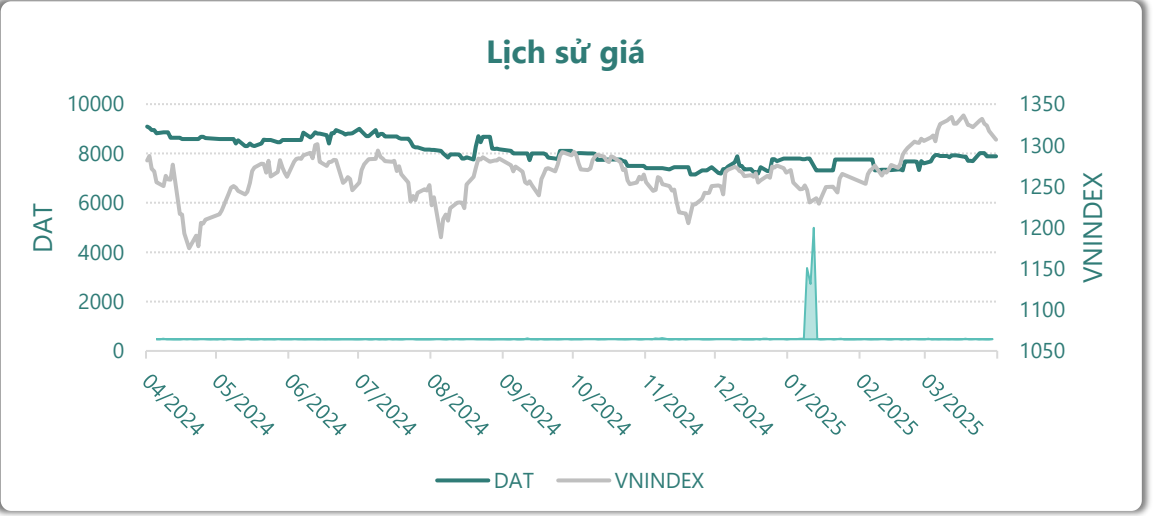
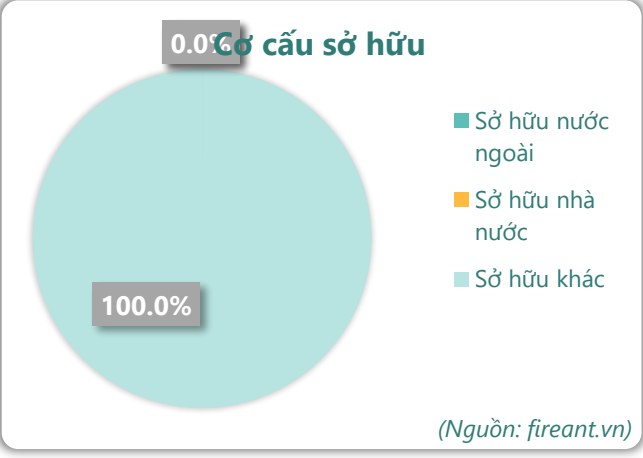
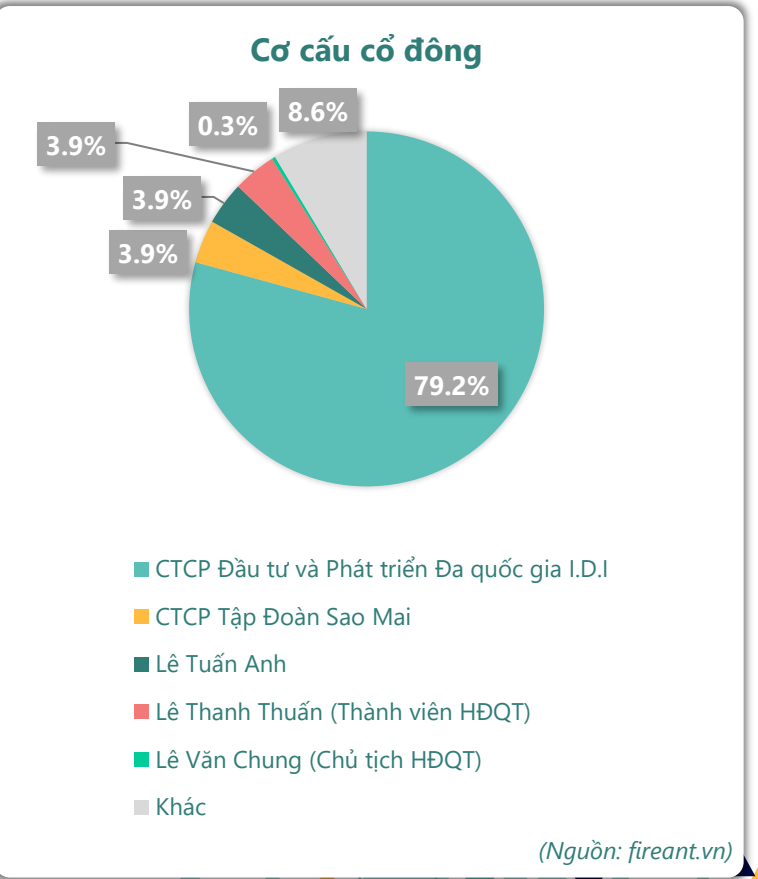
ROE (TTM) Q1/25
6.7%
YoY: +/-▼ 0.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,150 - 9,091
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	546
Số lượng CPLH (CP)	69,228,341
KLGD BQ 20 phiên (CP)	595
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.22
EPS	841
P/E	9.4

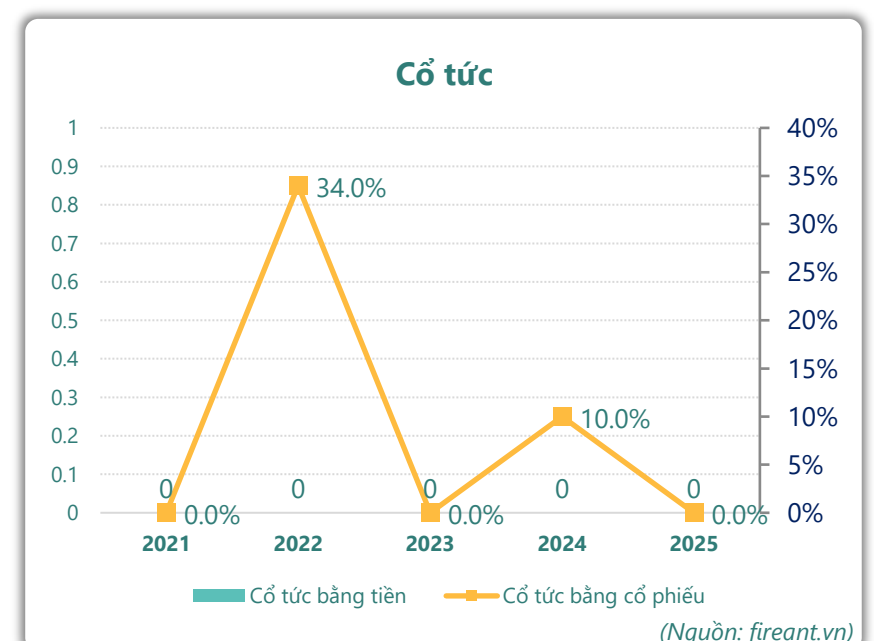
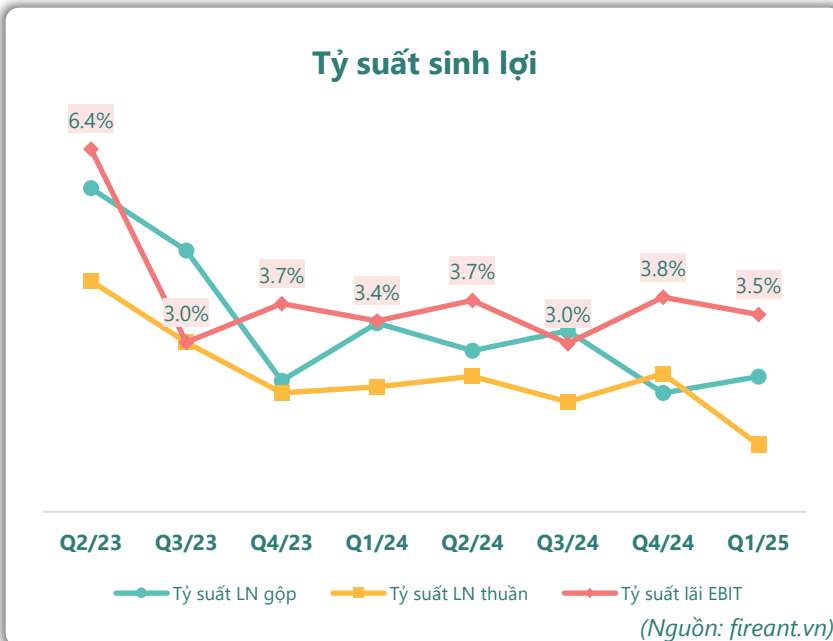
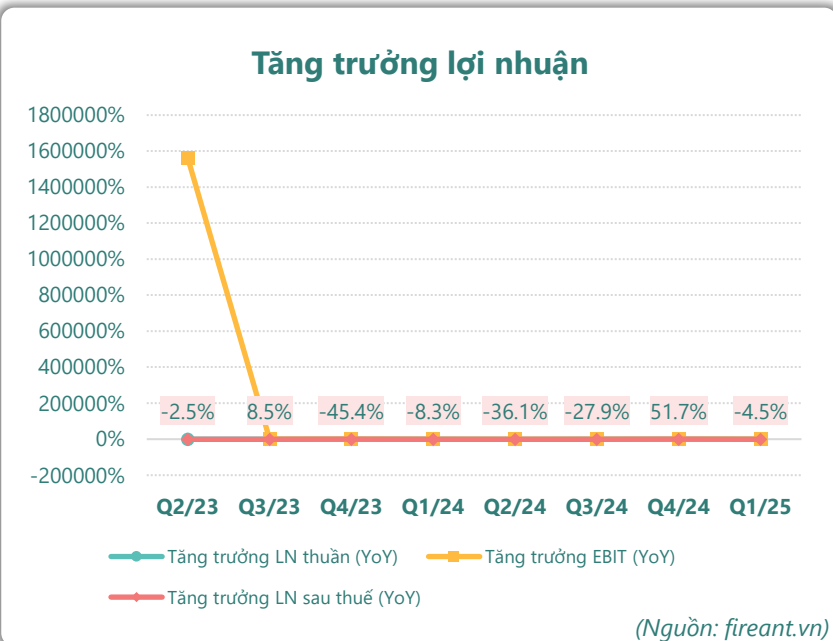
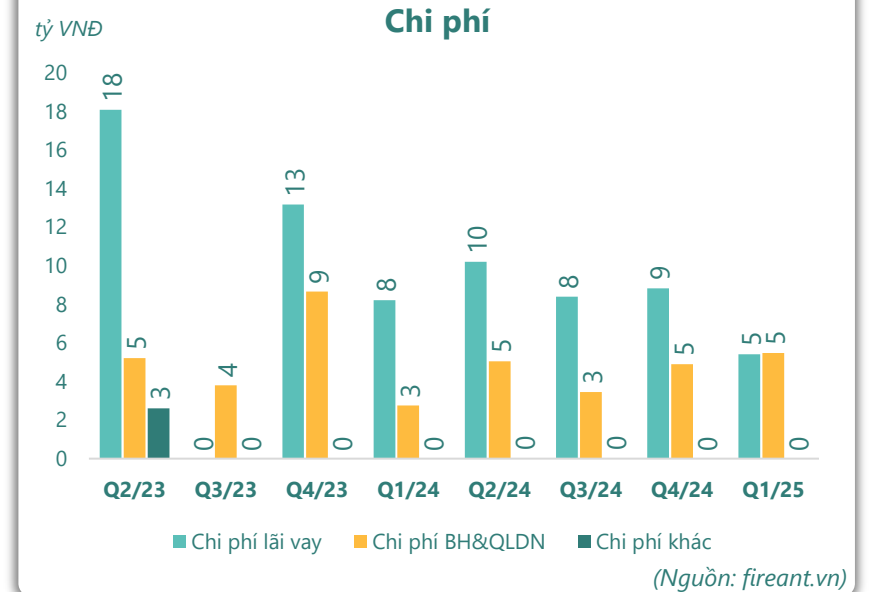
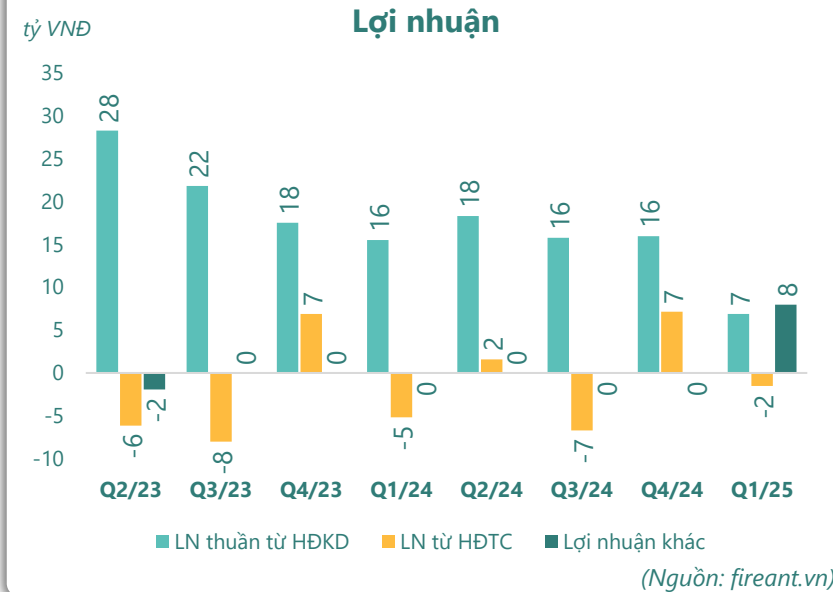
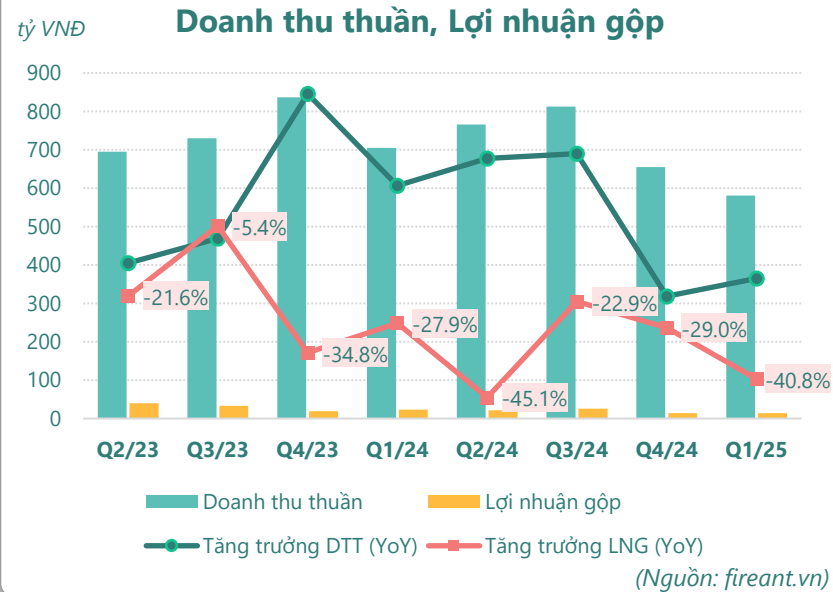
DT thuần 2024
2,939
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.00 0.0%

LN thuần 2024
65.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼19.6 -23.0%

LN sau thuế 2024
58.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.4 -21.8%



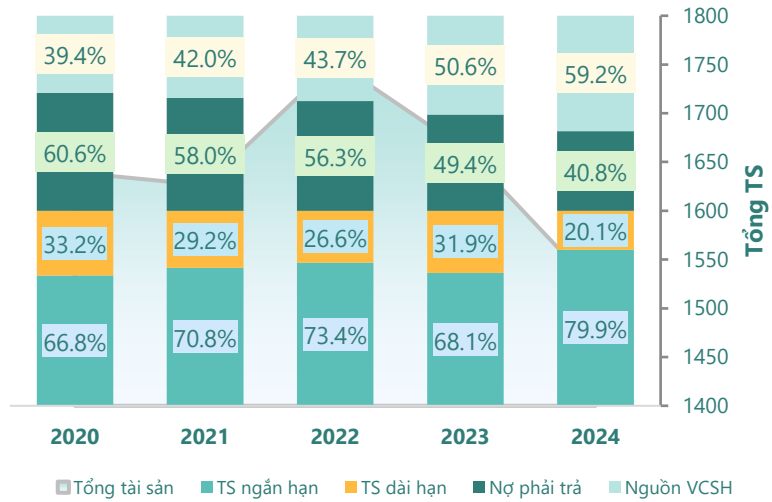
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

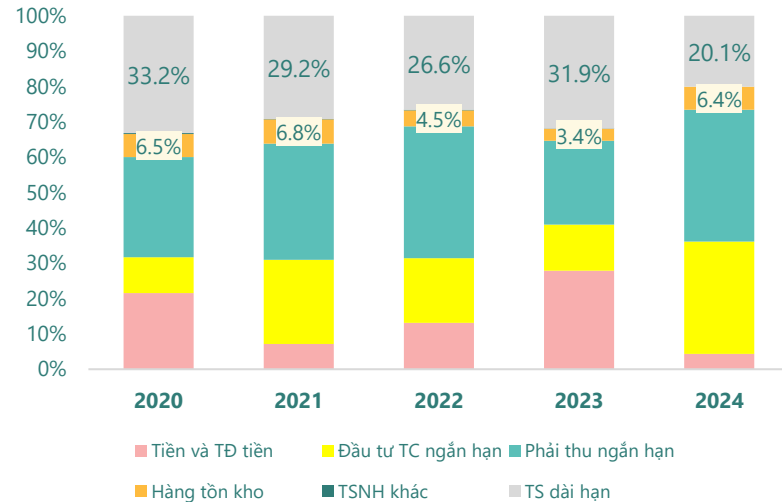
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

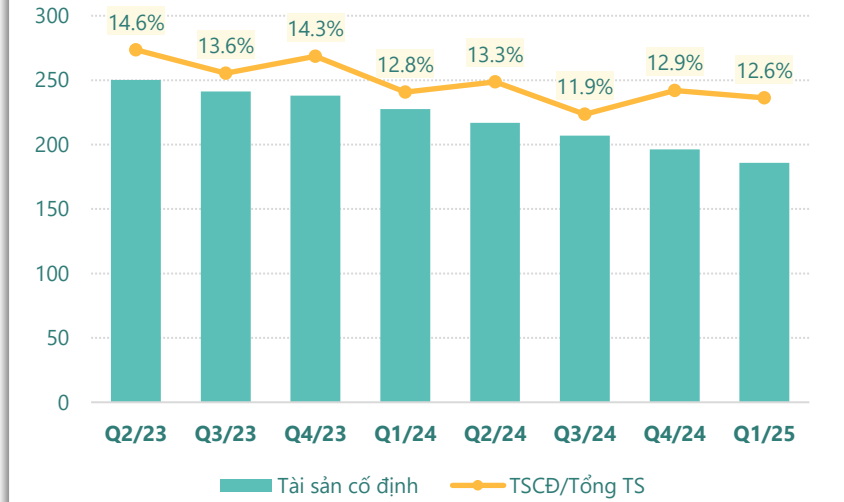
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

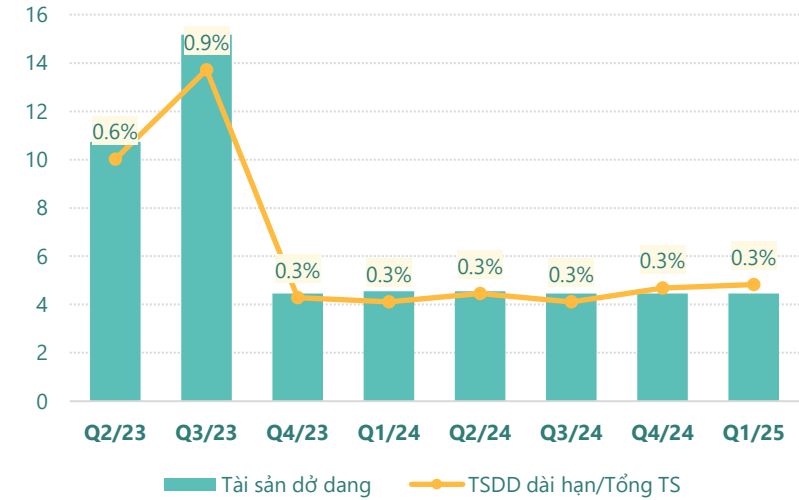
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

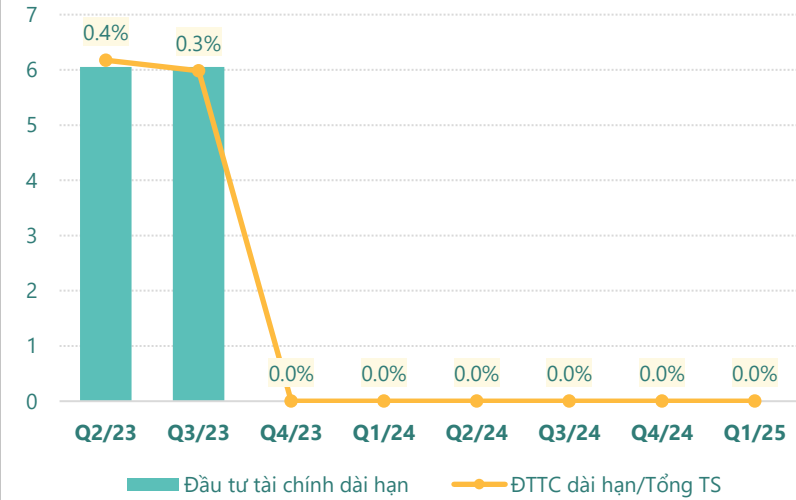
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

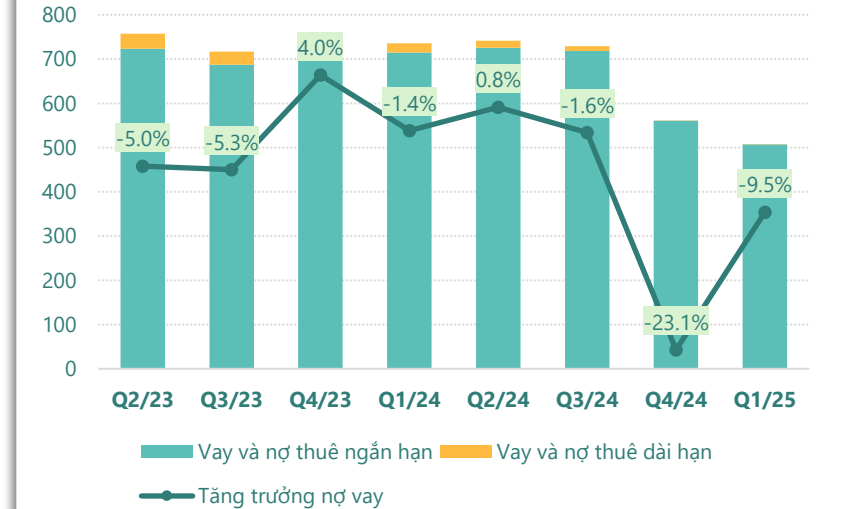
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

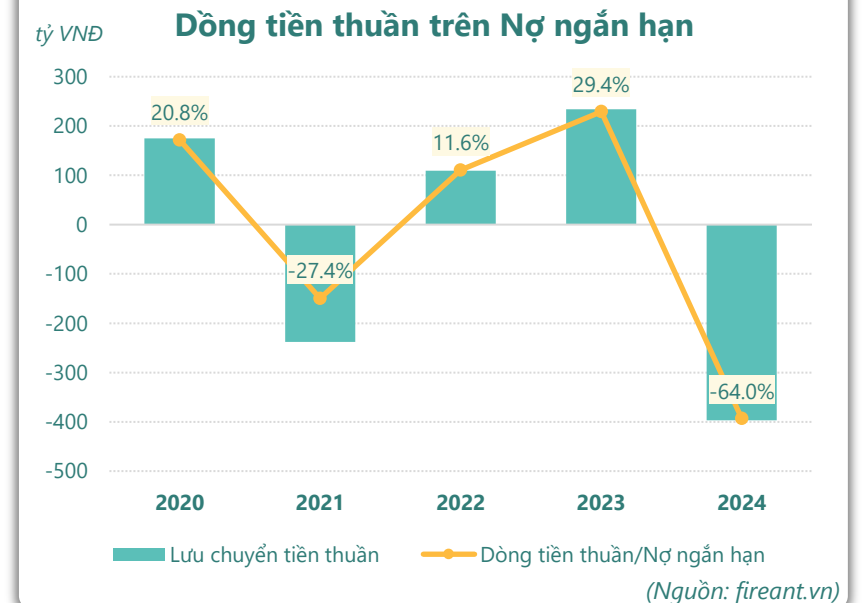
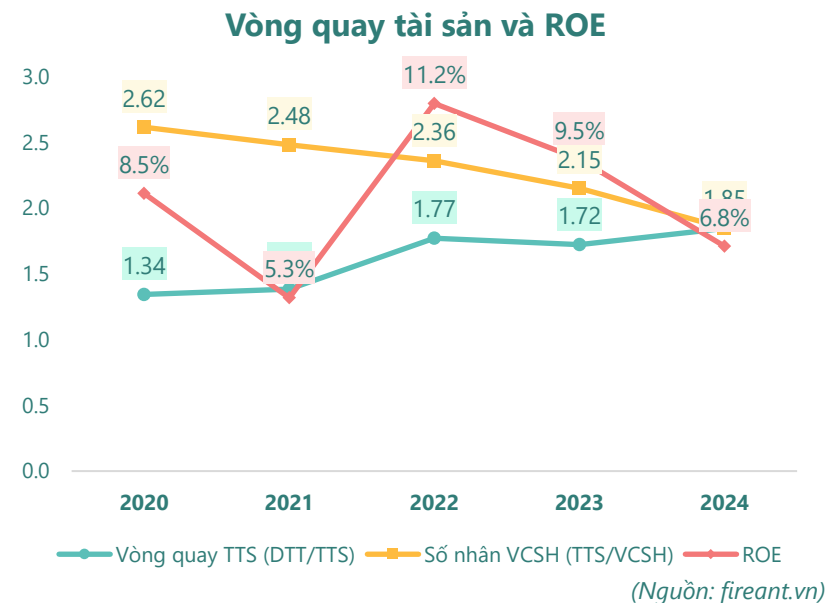
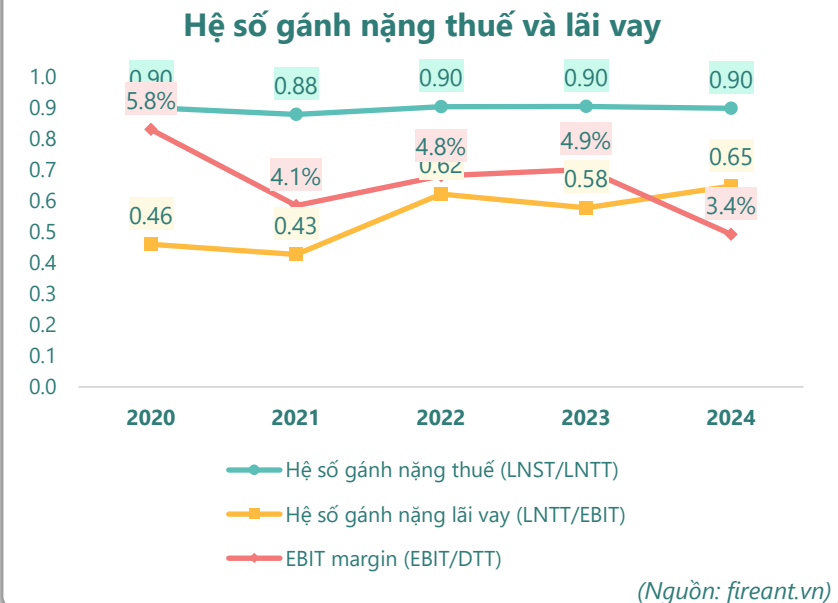
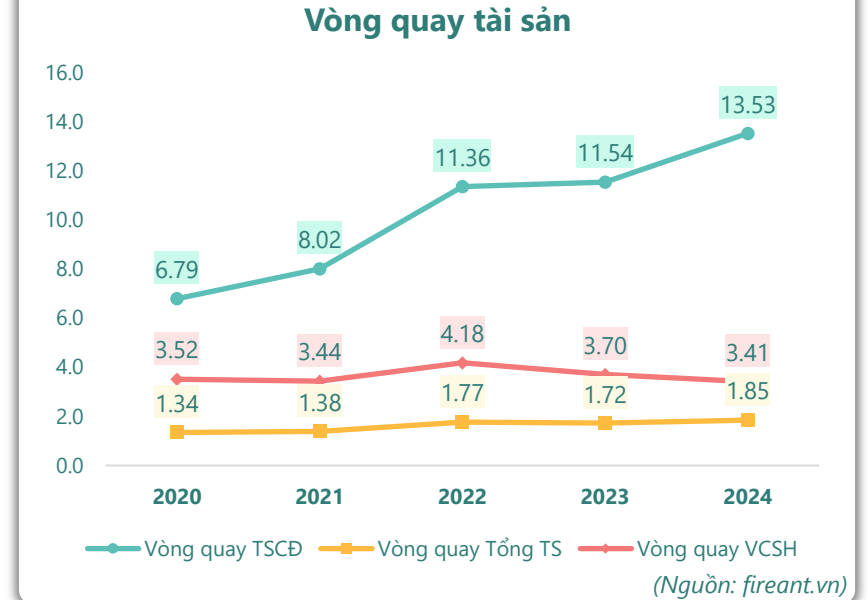
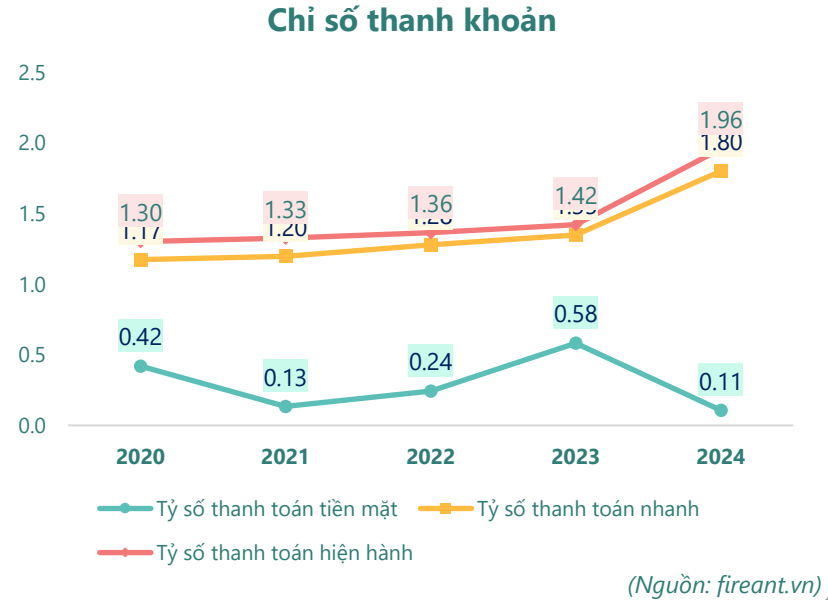
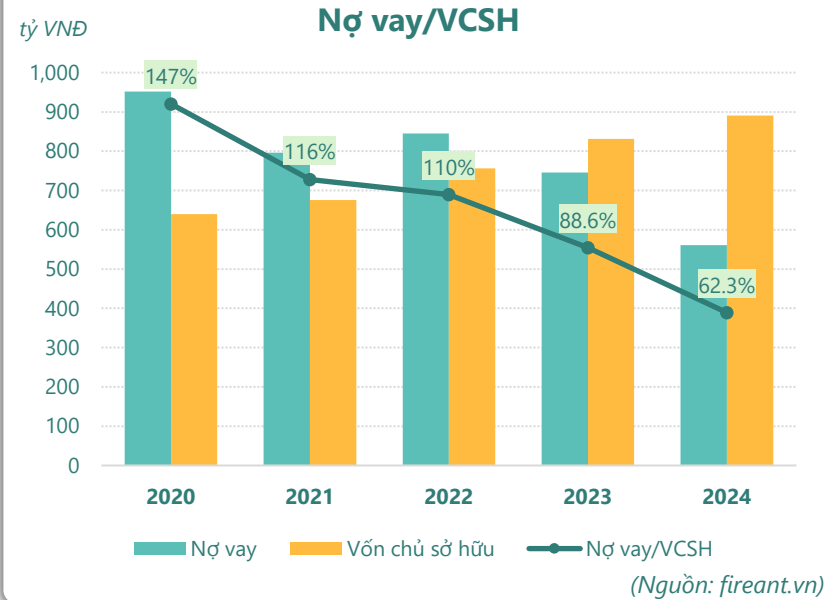
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	581	705	-17.6%	2,939	2,940	0.0%
Giá vốn hàng bán	567	681	-16.7%	2,854	2,814	1.4%
Lợi nhuận gộp	13.9	23.4	-40.7%	84.9	126	-32.5%
Doanh thu HĐTC	4.60	3.07	49.8%	35.7	49.7	-28.2%
Chi phí TC	6.12	8.24	-25.7%	38.9	68.7	-43.4%
Chi phí lãi vay	5.42	8.22	-34.1%	35.7	60.9	-41.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.57	1.09	136%	6.16	8.29	-25.7%
Chi phí QLDN	2.91	1.66	75.3%	10.0	13.4	-25.4%
LN thuần từ HĐKD	6.88	15.5	-55.6%	65.6	85.2	-23.0%
Lợi nhuận khác	7.95	0.00		-0.02	-1.89	99.0%
LN trước thuế	14.8	15.5	-4.3%	65.5	83.3	-21.3%
Lợi nhuận sau thuế	13.3	14.0	-4.7%	58.9	75.3	-21.8%
LNST của CĐ cty mẹ	13.3	14.0	-4.7%	58.9	75.3	-21.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	93.7	-183	17.6	-11.0	30.5	69.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	244	-167	-10.4	-4.06	119	16.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.6	-10.6	5.91	-12.2	-170	-53.1
Tiền đầu kỳ	151	463	102	115	88.0	66.3
Lưu chuyển tiền thuần	306	-361	13.2	-27.3	-21.2	32.2
Ảnh hưởng tỷ giá	6.45	0	0.02	0	-0.48	0
Tiền cuối kỳ	463	102	115	88.0	66.3	98.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,475	1,521	-3.0%
Tài sản ngắn hạn	1,181	1,215	-2.8%
Tiền và tương đương tiền	98.4	66.3	48.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	475	483	-1.6%
Phải thu ngắn hạn	532	568	-6.3%
Hàng tồn kho	75.5	98.0	-22.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	293	306	-4.0%
Phải thu dài hạn	2.60	1.90	36.9%
Tài sản cố định	186	196	-5.4%
Bất động sản đầu tư	98.8	101	-2.1%
Tài sản dở dang	4.45	4.45	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.89	2.20	-14.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	555	621	-10.6%
Nợ ngắn hạn	554	620	-10.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	507	560	-9.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.7	14.6	104%
Nợ dài hạn	0.35	0.35	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.35	0.35	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	920	901	2.2%
Vốn chủ sở hữu	904	890	1.5%
Vốn điều lệ	692	692	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	16.7	10.3	62.8%

(Nguồn: fireant.vn)

